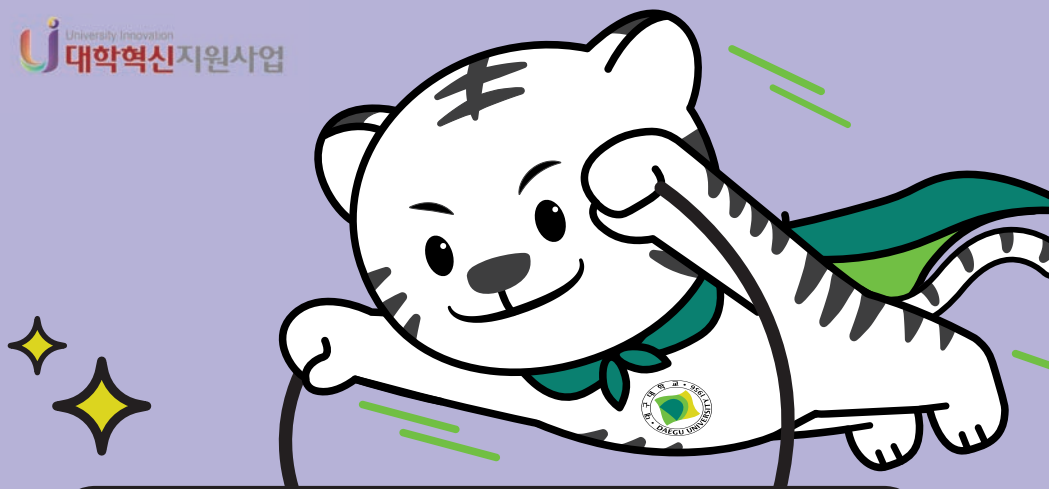




**Cẩm nang hướng dẫn
 dành cho Tân sinh viên ·
 Sinh viên liên thông
 Đại học**



Mục lục

Cẩm nang hướng dẫn dành cho Tân sinh viên ·
Sinh viên liên thông Đại học

Bản đồ khuôn viên trường 03

Hướng dẫn dành cho sinh viên năm học 2024 04

- Lịch trình học tập năm học 2024 05
- Hướng dẫn môn học 07
- Chuyên ngành phụ và Chuyên ngành thứ hai (Chuyên ngành kết hợp) 10
- Chuyển ngành 12
- Biến động học bạ 14
- Quá hạn tốt nghiệp/ Học kỳ thêm 16

Hướng dẫn dành cho sinh viên 17

- Cách thức đăng ký môn học và kiểm tra điều kiện tốt nghiệp 18
- Cách thức đăng ký chuyên ngành phụ và chuyên ngành thứ hai(chuyên ngành kết hợp) 23
- Cách thức đăng ký chuyển khoa 26

Hướng dẫn các vấn đề khác 29

- Hướng dẫn cấp các giấy tờ chứng nhận (chứng nhận sinh viên) 30
- Hướng dẫn cấp thẻ sinh viên và sử dụng thư viện trường, sử dụng mạng không dây Wi-Fi 32



Bản đồ khuôn viên trường



강애인 편의시설 설치 건물

엘리베이터(ELEVATOR) + 경사로(SLOPE)
 경사로(SLOPE)

건물번호순

W1-1 과학생명융합대학1호관
W1-2 과학생명융합대학2호관
W1-3 과학생명융합대학3호관
W1-4 조형예술대학5호관
W1-5 중앙기기원
W1-6 창업보육센터1호관/대구사이버대학교
W1-7 사범대학1호관
W1-8 사범대학2호관
W1-9 문천관
W1-10 수상레저스포츠센터

W2-1 자유열람관
W2-2 청파도서관
W2-3 평생교육관
W2-4 응지관
W2-5 진로취업관
W2-7 조형예술대학1호관
W2-8 조형예술대학2호관
W2-9 조형예술대학3호관
W2-10 제145학생군사교육단

W3-1 점자도서관
W3-2 장애학생지원센터
W3-3 법·행정대학
W3-4 사회과학대학2호관
W3-5 사회과학대학1호관
W3-6 종합강의동
W3-7 종합연구동
W3-8 기독교교육관(영광교회유치원)
W3-9 기술창업HUB센터

E1-1 인문대학1호관
E1-2 인문대학2호관
E1-3 교수학습지원관
E1-4 청파도서관 24시간열람관
E1-5 인문대학교수연구동
E1-6 체육관
E1-7 산학협력관
E1-8 김도관
E1-9 복지관(동편)
E1-10 행복기숙사

E2-1 경영대학
E2-2 경영대학교수연구동
E2-3 재원과학기술대학2호관
E2-4 재원과학기술대학1호관

E3-1 공과대학2호관
E3-2 정보통신대학1호관
E3-3 정보통신대학2호관
E3-4 공과대학본부동
E3-5 공과대학1호관
E3-6 공과대학3호관
E3-7 공과대학6호관
E3-8 과학생명융합대학부속농장
E3-9 과학생명융합대학6호관
E3-10 과학생명융합대학5호관
E3-11 창업보육센터2호관
E3-12 듀얼공동훈련센터

건물가나다순

검도관
경영대학
경영대학교수연구동
공과대학1호관
공과대학2호관
공과대학3호관
공과대학6호관
공과대학본부동
과학생명융합대학1호관
과학생명융합대학2호관
과학생명융합대학3호관
과학생명융합대학5호관
과학생명융합대학6호관
과학생명융합대학부속농장
교수학습지원관
기독교교육관(영광교회유치원)
기술창업HUB센터
듀얼공동훈련센터
문천관
법·행정대학
복지관(동편)
사범대학1호관
사범대학2호관
사회과학대학1호관
사회과학대학2호관
산학협력관
수상레저스포츠센터
응지관
인문대학1호관
인문대학2호관

E1-8 인문대학교수연구동
E2-1 자유열람관
E2-2 장애학생지원센터
E3-5 재원과학기술대학1호관
E3-1 재원과학기술대학2호관
E3-6 점자도서관
E3-7 정보통신대학1호관
E3-4 정보통신대학2호관
제145학생군사교육단
W1-1 조형예술대학1호관
W1-2 조형예술대학2호관
W1-3 조형예술대학3호관
E3-10 조형예술대학5호관
E3-8 종합강의동
E1-3 종합연구동
W3-8 중앙기기원
W3-9 진로취업관
E3-12 창업보육센터1호관
W1-9 창업보육센터2호관
W3-3 청파도서관
E1-9 청파도서관 24시간열람관
W1-7 체육관
W1-8 평생교육관
W3-5 행복기숙사
W3-4

E1-5 W2-1 W3-2 E2-4 E2-3 W3-1 E3-2 E3-3 W2-10 W2-8 W2-9 W1-4 W3-6 W3-7 W1-5 W2-5 W1-6 E3-11 W2-2 E1-4 E1-6 W2-3 E1-10

Cẩm nang hướng dẫn dành cho Tân sinh viên · Sinh viên liên thông Đại học

Hướng dẫn dành cho sinh viên

Lịch trình học tập năm học 2024

Hướng dẫn môn học

Chuyên ngành phụ và Chuyên ngành thứ hai (Chuyên ngành kết hợp)

Chuyển ngành

Biến động học bạ

Quá hạn tốt nghiệp/ Học kỳ thêm

Lịch trình hệ Cử nhân học kỳ 2 - năm học 2024

Lịch trình hệ Cử nhân học kỳ 2 - năm học 2024		
Tháng 8	1(thứ 5)-30(thứ 6)	Thời gian đăng ký nhập học lại dành cho sinh viên bảo lưu
	9(thứ 6)-14(thứ 4)	Đăng ký môn học học kỳ 2 – năm học 2024
	15(thứ 5)	Ngày Giải phóng Hàn Quốc
	19(thứ 2)-30(thứ 6)	Đăng ký bảo lưu
	20(thứ 3)-23(thứ 6)	Thời gian đóng học phí
	23(thứ 6)	Lễ tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân
Tháng 9	2(thứ 2)	Khai giảng học kỳ 2
	4(thứ 4) - 6(thứ 6)	Thời gian thay đổi môn học kỳ 2
	16(thứ 2)-8(thứ 4)	Nghỉ lễ Trung thu (lớp học tự do)
	19(thứ 5)-23(thứ 2)	Đăng ký hủy môn học kỳ 2
Tháng 10	23(thứ 2)-10.18(thứ 6)	Thời gian thực tập tại trường
	3(thứ 5)	Ngày Quốc khánh (lớp học tự do)
	4(thứ 6)	Đạt được 1/3 tiến độ chương trình học tập học kỳ 2
	9(thứ 4)	Ngày lễ Hangul
	21(thứ 2)-25(thứ 6)	Thời gian đăng ký nguyện vọng học kỳ phụ mùa đông và chuyên ngành phụ (chuyên ngành kết hợp) [đăng ký môn, đổi môn và hủy môn]
	21(thứ 2)-26(thứ 7)	Thi giữa kỳ
Tháng 11	23(thứ 4)	Đạt được 1/2 tiến độ chương trình học tập học kỳ 2
	8(thứ 6)	Đạt được 2/3 tiến độ chương trình học tập học kỳ 2
	18(thứ 2)-22(thứ 6)	Thời gian đăng ký các lớp học mùa đông và tuyển sinh cho học kỳ 1 - năm học 2025
Tháng 12	9(thứ 2)-14(thứ 7)	Thi cuối kỳ
	16(thứ 2)	Nghỉ đông
	17(thứ 3)	Khai giảng học kỳ phụ mùa đông
	23(thứ 2)	Hạn chót kiểm tra và nhập điểm môn học
	24(thứ 3)-27(thứ 6)	Đăng ký nếu có phản đối về điểm môn học
	25(thứ 4)	Lễ Giáng sinh
Tháng 12	30(thứ 2)	Xác nhận điểm số cuối cùng

Lịch trình hệ Cử nhân học kỳ 2 - năm học 2024			
2025 yıl	Tháng 1	1(thứ 4)	Năm mới
		8(thứ 4)	Kết thúc học kỳ phụ mùa đông
		22(thứ 4)-24(thứ 6)	Đăng ký môn học dự bị học kỳ 1 – năm học 2025
		28(thứ 3)-30(thứ 5)	Kỳ nghỉ tết âm lịch
	Tháng 2	3(thứ 2)-28(thứ 5)	Thời gian đăng ký nhập học lại dành cho sinh viên bảo lưu - 2025
		10(thứ 2)-13(thứ 5)	Đăng ký môn học học kỳ 1 – năm học 2025
		17(thứ 2)-28(thứ 6)	Đăng ký bảo lưu học kỳ 1 – năm học 2025
		19(thứ 4)-21(thứ 6)	Thời gian đóng học phí học kỳ 1 – năm học 2025.
		21(thứ 6)	Lễ tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân
		25(thứ 3)	Lễ khai giảng dành cho tân sinh viên - năm học 2025
		25(thứ 3)-26(thứ 4)	Đăng ký môn học dành cho tân sinh viên năm học 2025

Cách tìm mã số sinh viên

- Đăng nhập vào trang chủ của trường Đại học Daegu <http://www.daegu.ac.kr>
⇒ Chọn mục Hệ thống thông tin tổng hợp (học sinh) [종합정보시스템(학생)], nhấp vào 'ID 찾기' (tìm kiếm ID) ⇒ Nhập họ tên, số thẻ ngoại kiều và bấm nút tìm kiếm.

Cách thức đăng ký môn học

- Chọn mục Hệ thống thông tin học sinh[종합정보시스템(학생)] ⇒ Nhập ID (mã sinh viên) & mật khẩu ⇒ 수업업무(nghiệp vụ tiết học)⇒ 신청업무(Nghiệp vụ đăng ký) ⇒ Trong mục '수강신청'(đăng ký môn học) chọn 수강신청(đăng ký môn học).
※ **Mật khẩu khi đăng nhập lần đầu tiên là 7 số cuối của thẻ ngoại kiều (có thể thay đổi).**
- Vào ứng dụng '대구대학교 수강신청'⇒ 수강신청.

Thay đổi môn học

- Trường hợp môn học có nguyện vọng đăng ký vẫn còn dư chỗ →Đăng ký trực tuyến tại trang chủ của trường '수강신청'.
- Trường hợp không thể đăng ký trực tuyến do vượt quá số người có thể nghe giảng→Nộp giấy phép xin nghe giảng '수강허가서' (cần sự đồng ý của giáo sư phụ trách).

Các mục cần lưu ý khi đăng ký môn học

- Trước khi đăng ký môn học, nhất định phải nhận được sự hướng dẫn về môn học của khoa từ giáo sư phụ trách hoặc trưởng khoa.
- Trường hợp tân sinh viên là du học sinh ngoại quốc: sẽ không bị giới hạn trong việc lựa chọn môn học đại cương. Tuy nhiên, nhất định phải hoàn thành môn học chung là 'Các khóa học về cuộc sống và sự nghiệp tại trường Đại học của tôi'(나의대학생활과진로 교과목). Những môn học tự do (자유선택교과목) dành riêng cho sinh viên ngoại quốc trong giáo trình Giáo dục tự do(자유선택교육과정) sẽ được tính theo tín chỉ Đại cương.
- Hướng dẫn đăng ký miễn việc hoàn thành các môn tiếng Anh dựa trên thành tích ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh)

- Đối tượng áp dụng: Người có số điểm ngoại ngữ (tiếng Anh) trên mức quy định của nhà trường.
- Môn học áp dụng: Môn đại cương chung của năm nhất DU실용영어(1), DU실용영어(2).
- Số điểm thông qua các chứng chỉ tiếng Anh: TOEIC trên 700 điểm, TOEFL (IBT) trên 75 điểm. TEPS trên 600 điểm
- Thời gian đăng ký: tuần đầu tiên của mỗi học kỳ
- Mục cần lưu ý: Trường hợp có đủ điều kiện và được miễn hoàn thành các môn học DU실용영어(1), DU실용영어(2), bắt buộc phải hoàn thành thêm số tín chỉ đại cương của môn học tương ứng.
- Nhất định phải xác nhận kết quả đăng ký môn học trên 종합정보시스템 sau khi hoàn tất việc đăng ký và thay đổi môn học→Yêu cầu xác nhận thông tin nghe giảng và tình hình điểm danh của mình mỗi khi đã điểm danh điện tử trên ứng dụng.
- Những môn học chuyên ngành có ký tự “*” ở phía trước là những môn học hạn chế sinh viên khoa khác đăng ký
→ Tuy nhiên, học sinh ngoại quốc không thể đăng ký các môn học của khoa có liên quan đến quốc tịch của bản thân, cho dù là các môn học không có hạn chế sinh viên khoa khác.

Khóa học theo mùa

- Thời gian: Trong vòng 15 ngày đầu của kỳ nghỉ hè và 15 ngày đầu của kỳ mùa đông.
- Số tín chỉ có thể đăng ký: trong vòng 6 tín (bao gồm 2 môn học trực tuyến).
- Đối tượng: Sinh viên đang theo học tại trường (không bao gồm học sinh đăng ký bảo lưu).
- Mục cần lưu ý:
 - Số tín chỉ đã hoàn thành trong học kỳ phụ theo mùa sẽ được tính trực tiếp vào số tín chỉ tốt nghiệp và điểm trung bình của sinh viên. Tuy nhiên, điểm sẽ không được xét vào những trường hợp như cảnh cáo học vụ, đăng ký học bổng,
 - Phải đăng ký môn học sau khi đăng ký môn dự bị trong thời gian quy định.
 - Việc đăng ký môn học dự bị không phải là đăng ký môn chính thức, vì vậy

sinh viên nhất định phải hoàn thành việc đăng ký môn trong thời gian quy định thì môn học mới được công nhận.

- Sau khi đăng ký, việc thay đổi môn học hoặc trả lại học phí sẽ bị hạn chế vậy nên yêu cầu sinh viên hãy quyết định kĩ trước khi đăng ký.
- Bảng điểm sẽ không được gửi về nhà.

Đăng ký hủy môn:

- Đối tượng: Sinh viên đang theo học đã hoàn tất việc đóng học phí và đăng ký trên 10 tín chỉ.
- Thời gian đăng ký: Sau khi kết thúc thời gian đăng ký môn học (xác nhận tại bảng thông báo chung).
- Cách thức đăng ký và trình tự xử lý: Trực tiếp đăng ký tại 종합정보시스템(학생) (Hệ thống thông tin sinh viên tổng hợp)⇒ 수업업무(Ngành vụ tiết học)⇒ 신청업무(Nghiệp vụ đăng ký)⇒ 수강포기(Hủy môn). Sau khi đăng ký thì ấn nút 발송.
- Số tín chỉ có thể hủy: trong vòng 6 tín (chỉ áp dụng với đối tượng nhập học từ năm 2007).
- Mục cần lưu ý :
 - Không thể đăng ký môn học khác thay thế cho môn học đã hủy.
 - Số tín chỉ đã hủy vẫn được tính vào tổng số tín chỉ có thể đăng ký mỗi năm.
 - Môn đã hủy sẽ không bị xét khi đánh giá thành tích sinh viên.
 - Không thể hủy môn ngoài thời gian đã được quy định.
 - Trong thời gian quy định nhất định phải xác nhận lại các môn học đã đăng ký: 종합정보시스템(Hệ thống thông tin sinh viên tổng hợp)⇒ 수업업무(Nghiệp vụ tiết học)⇒ 검색업무(Nghiệp vụ tìm kiếm)⇒ 수강신청내역 조회(Kiểm tra nội dung chi tiết đăng ký môn học).

Trường hợp sinh viên đã đóng học phí nhưng không đăng ký môn học

- Nếu sinh viên không đăng ký môn học trong học kỳ mà mình đã đóng tiền hoặc không hoàn thành được bất kỳ tín chỉ nào ngay cả khi đã đăng ký môn học đó thì số tín chỉ này sẽ được tính vào số lượng tín chỉ đăng ký của học kỳ đó và điểm học tập. Cảnh cáo từ nhà trường sẽ được áp dụng. Không áp dụng đối với **những sinh viên đã hoàn thành đủ tín chỉ tốt nghiệp**.

Học lại để cải thiện điểm

- Chỉ được phép học lại 1 lần với những môn có cùng mã số.
- Số điểm để có thể đăng ký học lại là thấp hơn hoặc bằng C+ (79 điểm) và số điểm có thể đạt được sau khi đăng ký học lại là thấp hơn hoặc bằng A (94 điểm).
- Nếu điểm đạt được khi học lại một môn thấp hơn điểm đầu tiên thì điểm ban đầu sẽ được công nhận và khi tính điểm trung bình, điểm số sẽ được hiển thị là điểm đạt được khi học lại môn học đó.

Hủy bỏ tín chỉ đã học

- Đối tượng: Sinh viên đang học học kỳ 5~7 không thể học lại các môn có điểm C+ (79 điểm) do có thay đổi hoặc hủy bỏ chương trình giảng dạy
- Số tín chỉ có thể hủy: 6 tín chỉ (trong vòng 7 học kỳ)
- Mục cần lưu ý:
 - Sinh viên đã hoàn thành 8 học kỳ trở lên (bao gồm sinh viên hoãn tốt nghiệp hoặc phải học thêm học kỳ do chưa đủ tín chỉ tốt nghiệp): không thể đăng ký.
 - Sau khi việc hủy bỏ tín chỉ được công nhận, không thể thay đổi lại được.

Hướng dẫn về chuyên ngành thứ hai (chuyên ngành sáng tạo·kết hợp), chuyên ngành phụ và chuyển khoa

Chuyên ngành thứ 2: Đăng ký vào tháng 4 và tháng 10 hằng năm

- Đây là chế độ có thể nhận được từ 2 bằng cử nhân trở lên bằng cách hoàn thành thêm chuyên ngành, khác với chuyên ngành thứ nhất khi đăng ký nhập học. Bao gồm các chuyên ngành sáng tạo·kết hợp (창의융·복합전공), chuyên ngành thiết kế (자기설계전공).
- Phạm vi đăng ký:
 - Có thể đăng ký tất cả các khoa và chuyên ngành mình mong muốn, Số lượng chuyên ngành phụ có thể theo học tối đa là 2.

- Không thể đăng ký chuyên ngành thứ hai đối với các khoa thuộc Đại học sư phạm (사범대학) (ngoại trừ trường hợp đã hoàn thành khóa đào tạo giáo viên), Khoa Vật lý trị liệu, Khoa Trị liệu cơ năng và Điều dưỡng (물리치료학과, 작업치료학과, 간호학과).
- Đối với các chuyên ngành kết hợp là Giáo dục Xã hội tổng hợp và Giáo dục khoa học tổng hợp (통합사회교육, 통합과학교육 융복합전공), chỉ những sinh viên đã hoàn thành các khóa đào tạo giáo viên, có liên quan đến các môn học được hiển thị trong chuỗi liên kết chuyên ngành kết hợp (연계융·복합전공) tương ứng mới có thể đăng ký.

Chuyên ngành phụ: đăng ký vào tháng 4 và tháng 10 hằng năm

- Đây là chế độ trong đó sinh viên hoàn thành từ 21 tín chỉ trở lên của chuyên ngành khác với chuyên ngành thứ nhất, gọi là Chuyên ngành phụ (부전공).
- Phạm vi đăng ký:
 - Có thể đăng ký chuyên ngành phụ ở tất cả các khoa và chuyên ngành.
 - Không thể đăng ký chuyên ngành phụ đối với các khoa: Khoa Vật lý trị liệu, Khoa Trị liệu cơ năng và Điều dưỡng (물리치료학과, 작업치료학과, 간호학과) và các chuyên ngành kết hợp (연계융·복합전공).
- Tiêu chí để đăng ký chuyên ngành thứ hai và chuyên ngành phụ (giống nhau):
 - Những sinh viên có năng lực về giáo dục thể chất và sinh viên theo học chương trình cử nhân đặc biệt (Khoa Hành chính y tế - 보건행정학과) không thể đăng ký chuyên ngành thứ hai và chuyên ngành phụ.
 - Tùy theo từng khoa và chuyên ngành, có thể giới hạn số lượng sinh viên đăng ký bằng việc xem xét năng lực học tập, số lượng sinh viên có thể tiếp nhận.

Chuyên ngành sáng tạo·kết hợp

- Đây là chương trình sáng tạo đặc biệt, sinh viên được học một chuyên ngành hoàn toàn mới bằng việc kết hợp nhiều chuyên ngành với nhau mà không bắt buộc phải liên quan đến chuyên ngành chính của bản thân (**dành cho chuyên ngành thứ hai và chuyên ngành phụ**).
- Có thể đăng ký vào tháng 4 và tháng 10 hằng năm, trong thời gian đăng ký, thay đổi và hủy bỏ chuyên ngành thứ hai và chuyên ngành phụ.
- Chỉ có thể nhận được học vị bằng công nhận khi hoàn thành từ 36 tín chỉ trở lên

(đối với chuyên ngành phụ là từ 21 tín trở lên).

- Trường hợp các môn học thuộc chuyên ngành Sáng tạo·kết hợp trùng với môn học của chuyên ngành chính: **được công nhận sự trùng lặp tối đa 6 tín chỉ**.
- Cho dù tên 2 môn học có giống nhau thì nhất định phải hoàn thành đủ số tín môn học được tổ chức bởi chuyên ngành Sáng tạo·kết hợp thì mới được công nhận tín chỉ chuyên ngành thứ hai (**nếu hoàn thành môn học ương tự ở chuyên ngành khác thì môn học đó sẽ được công nhận là “Môn học tự chọn chung”**).

Chuyển khoa (đăng ký vào tháng 5 và tháng 11 hằng năm) —————

- Đây là chế độ cho phép sinh viên sau khi nhập học, cảm thấy năng lực và năng khiếu của bản thân không tương thích với chuyên ngành đã chọn, có cơ hội thay đổi lại con đường tương lai và để giúp cho sinh viên có thể nhận được sự giáo dục Đại học đúng với mong muốn của bản thân, bằng việc thay đổi đơn vị trực thuộc (bao gồm việc thay đổi chuyên ngành và thay đổi khoa của cùng đơn vị tuyển sinh).
- Số lượng tuyển chọn
 - Việc chuyển khoa được cho phép với các sinh viên đã hoàn thành từ 2 học kỳ trở lên. Trong đó số lượng sinh viên chuyển vào khoa (chuyên ngành) phải dưới 80% số lượng tuyển sinh chỉ tiêu của mỗi đơn vị tuyển sinh (khoa, chuyên ngành), số lượng thay đổi theo từng năm.
 - Số lượng sinh viên được tuyển chọn vào khoa của Đại học Sư phạm (사범대학) sẽ được quyết định theo chỉ tiêu của cơ quan Đào tạo Giáo viên.
 - Có thể tiến hành tuyển sinh thông qua hình thức phỏng vấn và xét thành tích học tập.
 - ※ Khoa (chuyên ngành) có tỷ lệ cạnh tranh từ 1:1 trở xuống: xét 100% thành tích học tập.
 - ※ Khoa (chuyên ngành) có tỷ lệ cạnh tranh cao hơn 1:1 và khoa Phúc lợi xã hội (사회복지학과): 90% thành tích + 10% phỏng vấn [trường hợp sinh viên đăng ký khoa Phúc lợi xã hội (사회복지학과) có điểm phỏng vấn thấp hơn 60 điểm sẽ bị đánh trượt ngay lập tức].
- Hạn chế đăng ký:
 - Sinh viên liên thông và sinh viên nhập học thông qua hình thức tuyển chọn đặc biệt: không thể đăng ký chuyển khoa

Chương trình giáo dục Đại cương năm học 2024

Lĩnh vực		Số tín đạt được	Các môn học	
			Tên môn học	Tín
공통 교양 (Đại cương)	인성 (Nhân văn)	• Hoàn thành 9 tín chỉ trở lên • Hoàn thành 3 lĩnh vực trở lên • Khóa học yêu cầu: -Định hướng nghề nghiệp -Viết cơ bản • SW · AI: Học trực tuyến	나의대학생활과진로 (định hướng nghề nghiệp)	1
			DU사랑빛자유프로젝트 (hoạt động tình nguyện)	2
	사고와표현 (Suy nghĩ và biểu hiện)		글쓰기기초 (luyện viết cơ bản)	2
			빅컨셉+ (Big concept +)	2
	SW · AI		컴퓨팅사고와코딩 (Máy tính)	1
			생활속인공지능(trí tuệ nhân tạo)	1
	글로벌의사소통 (Giao tiếp quốc tế)		DU실용영어(1) (tiếng Anh chuyên dụng 1)	2
			DU실용영어(1) (tiếng Anh chuyên dụng 2)	2
			DU실무영어 (DU tiếng Anh văn phòng)	2
			DU글로벌소통영어 (DU tiếng anh giao tiếp thực tiễn)	
			중국어(tiếng Trung)	
			일본어(tiếng Nhật)	
러시아어(tiếng Ý)				
균형 교양 (Văn hóa)	과학·기술 (Khoa học·Công nghệ)	독일어(tiếng Đức)		
	여가·체육 (Giải trí/Thể thao)	프랑스어(tiếng Pháp)		
		스페인어(tiếng Tây Ban Nha)		
Yêu cầu tín chỉ tối thiểu		30		
Số tín chỉ tối đa		50		

Thiết lập chương trình Giáo dục tự do

- Môn học tự do: là những môn học mà sinh viên có thể tự do lựa chọn và hoàn thành, nhằm trau dồi cho bản thân những kiến thức sâu rộng mà một con người trí thức hiện đại cần có
 - ※ Môn học tự do không phải là môn học Đại cương nên sẽ được tính vào tín chỉ tốt nghiệp thay vì tín chỉ Đại cương

Quản lý biến động điểm số (bảo lưu, quay trở lại học)

Hướng dẫn tại trang chủ của trường

학교 홈페이지(trang chủ trường) ⇒ 학사안내(hướng dẫn hệ cử nhân) ⇒ 학적변동 참조(quản lý biến động điểm số)

Cách thức đăng ký

- Thời gian đăng ký: trước khi bắt đầu học kỳ (tháng 2 và tháng 8 hằng năm)
- Đăng ký:[종합정보시스템(학생) ⇒ 학적·졸업 ⇒ 학적관리 ⇒ 휴학, 복학, 자퇴(bảo lưu, trở lại học, thôi học)]
 - ※ Sinh viên quốc tế chỉ có thể đăng ký sau khi nhận được sự cho phép từ văn phòng hỗ trợ Quốc tế (국제팀)

Bảo lưu

- Bảo lưu thường
 - Thời gian bảo lưu: không thể vượt quá 1 năm (2 học kỳ) và chỉ có thể đăng ký tối đa 3 lần.
 - Thời gian đăng ký: trước khi bắt đầu mỗi kỳ học (tháng 2 và tháng 8 hằng năm).
 - Sinh viên mới nhập học, sinh viên liên thông Đại học và sinh viên tái nhập học lại không thể đăng ký bảo lưu vào các kỳ học đầu tiên.
(những trường hợp bất đặc dĩ như bệnh tật, thiên tai hay công vụ có thể được phép đăng ký khi nộp kèm theo các loại giấy tờ chứng nhận).

Quay trở lại học

- Việc quay trở lại học tập của sinh viên đăng ký bảo lưu
 - Thời gian đăng ký: trong thời gian đăng ký nhập học trở lại (tháng 2 và tháng 8 hằng năm), trong vòng 1 năm (2 học kỳ) sau khi đăng ký bảo lưu
 - Trình tự đăng ký tái nhập học
 - Hoàn thành việc đăng ký tại 종합정보시스템/학적
 - Đăng ký môn và đóng học phí trước khi khai giảng học kỳ mới (tham khảo tại thời gian biểu)
 - Đăng ký môn và đóng học phí trước khi khai giảng học kỳ mới (tham khảo tại thời gian biểu)
 - Đóng học phí
 - Trường hợp bảo lưu khi chưa đóng học phí hoặc bảo lưu khi đã quá 2/3 số ngày học sẽ phải đóng toàn bộ học phí khi quay trở lại.
 - Trường hợp bảo lưu trước khi vượt quá 2/3 số ngày học, số tiền học phí đã đóng trước khi bảo lưu sẽ được sử dụng khi quay trở lại học
 - Việc quay trở lại học sớm: Trường hợp thời gian đăng ký bảo lưu là 1 năm (2 học kỳ) nhưng sinh viên lại có nguyện vọng quay trở lại học sau khi bảo lưu 1 học kỳ, có thể đăng ký quay trở lại học trong thời gian quy định (tháng 2 và tháng 8 hằng năm)
- * Cách thức đăng ký quay trở lại học: tương tự như khi đăng ký bảo lưu

Hoãn lấy bằng tốt nghiệp (tốt nghiệp muộn)/ Học quá kỳ

Phân loại	Tốt nghiệp muộn		Kỳ học thêm
Điều kiện	Chung	Sinh viên sắp tốt nghiệp đã hoàn thành đủ điều kiện tốt nghiệp	Người không thể hoàn thành đủ tín chỉ tốt nghiệp trong kỳ học chính quy (8 học kỳ)
	Tự chọn	▶ Trường hợp thiếu số tín chỉ cần hoàn thành của chuyên ngành phụ ▶ Trường hợp cần hoàn thành các môn giáo dục cần thiết (bằng chứng nhận giáo dục trọn đời, bằng chứng nhận giáo viên) ▶ Trường hợp cần gia hạn tốt nghiệp để nâng cao năng lực bản thân và chuẩn bị cho sẵn sàng để xin việc ▶ Trường hợp cần gia hạn vì lý do cá nhân khác	
Thời gian đăng ký	Tháng 1 và tháng 7 hằng năm		Không cần thiết phải đăng ký (sau khi đăng ký môn của học kỳ sau, số tiền học phí sẽ được tính theo số tín chỉ đăng ký)
Cách thức đăng ký	Sau khi đăng ký tại(종합정보시스템),in đơn ra và nộp cho văn phòng khoa trực thuộc		
Hạn chế đăng ký	1 lần (tối đa 1 năm) ▶ Người đã đăng ký 6 tháng sẽ không thể gia hạn 1 năm ▶ Tuy nhiên người đã đăng ký 1 năm có thể rút xuống thành 6 tháng		Không có hạn chế

Cẩm nang hướng dẫn dành cho Tân sinh viên · Sinh viên liên thông Đại học

Hướng dẫn dành cho sinh viên

Cách thức đăng ký môn học và kiểm tra điều kiện tốt nghiệp

Cách thức đăng ký chuyên ngành phụ và chuyên ngành thứ hai(chuyên ngành kết hợp)

Cách thức đăng ký chuyển khoa

Cách thức đăng ký môn

1. Đăng nhập vào hệ thống đăng ký môn

- Hình ảnh dưới đây là màn hình đăng nhập của hệ thống đăng ký môn. Sau khi nhập ID (아이디) và mật khẩu (비밀번호) [ID và mật khẩu sinh viên sử dụng tại hệ thống thông tin tổng hợp (종합정보시스템)], nhấp vào nút “로그인 (Đăng nhập)”(1) để đăng nhập.
- Sau khi đăng nhập thành công di chuyển sang danh mục nội dung thông báo (공지사항).



2. Kiểm tra các môn học được mở

공지사항 | **개설교과목조회** | 예비수강신청하기 | 예비수강내역조회

개설전공: 대학전체 | 주야구분: 주간 | 이수구분: 교양 | 개설과목: *기초OA실무 | 조회

1. 개설교과목 List | 과목수: 1과목

2. 아래의 교과목코드를 클릭하면 수업계획서를 열람이 가능합니다.

No.	코드	주야	구분	학년	교과목명	영역	학점	담당교수	강의시간	비고	수강학과	인원제한	개설정보	타과제한여부	분반
1	2164	주	선교	1	*기초OA실무	일반교양	2		목3목4	*	대학전체	25	폐강		분반 5

3. 2011년 2학기 수업계획서

4. ☒ 수업계획서 ☐ 강의내용 ☐ 과제물

교과목명	*기초OA실무	학점	2	학년	1
담당교수		수강번호	2164	대상학과(부)	대학전체
면담시간	13:00 - 14:00	과외특별지도시간	13:00 - 14:00	이메일	
연구실		자택		휴대폰	010-3932-1995
1. 교과목개요	*정보화 시대에 부응하려면 수많은 정보를 효율적으로 가공하고 처리할 수 있도록 기본적인 컴퓨터 활용 능력이 무엇보다도 요구된다. 따라서 본 교과목은 대학 생활에 필수적인 컴퓨터 활용 능력을 배양하고, 기본 정보 소양을 다질 수 있는 교양 컴퓨터 교과목이고, 나아가 유용한 사회의 구성원으로서 요구되는 실질적인 컴퓨터 활용 능력을 기를 수 있다.				
2. 교수 학습목표	1. 본 교과목을 통해 컴퓨터 정보 소양을 배양하고, 다양한 기능들을 익혀 학업 수행에 있어 반드시 필요한 레포트, 발표자료 및 문서 작성 등을 완벽하게 수행할 수 있도록 한다. 2. 실습을 통한 파워포인트, 한글의 고급 기능 실습을 통해 졸업 후 업무 현장에서도 즉시 활용할 수 있도록 대비한다. 3. 본 교과목을 충실히 이수한 후 한글워드프로세서, ITQ, MOS 등을 포함한 다양한 기초 정보 기술 자격증을 취득하는데 필요한 과목으로서 역할을 하고자 한다.				

Copyright(c) 2011 By Daegu University All rights Reserved.

- Chọn “개설교과목조회”(1)(xác nhận môn học được mở) trong mục lục để kiểm tra các môn học
- Chọn 개설전공 (chuyên ngành được mở)/ 주야구분 (phân loại ngày đêm)/ 이수구분 (phân loại môn), sau đó bấm nút “조회(2)”, danh sách các môn học được mở sẽ hiện ra
- Trong danh sách hiện ra, chọn “코드(3)” sẽ thấy được bản kế hoạch học tập của từng môn. Nếu chọn “강의내용과 과제물버튼(4)” (nội dung bài giảng và bài tập) sẽ có thể xem được nội dung tương ứng

Cách thức kiểm tra điều kiện tốt nghiệp

1. Đăng nhập vào hệ thống thông tin tổng hợp (종합정보시스템) ———

- Dưới đây là màn hình đăng nhập vào hệ thống thông tin tổng hợp, sau khi nhập ID và mật khẩu, nhấp vào nút “로그인”(đăng nhập) để đăng nhập

교육으로 세상에 도전합니다
We challenge the World Together

대한민국 교육이념
'홍익인간'

기독교 정신
'사랑'

기독교 정신
'빛'

기독교 정신
'자유'

비밀번호 변경 관련 사항은 아래로 연락주시기 바랍니다.

- 학생 053-850-5134~5 - 대학원생/대학원 시간강사
- 교원조교 053-850-5115~6 - 일반대학원 053-850-5038
- 시간강사 053-850-5122~3 - 생활과학대학원 053-850-5034
- 직원 053-850-5312 (특수교육대학원 053-850-5044)
사회복지/디자인 산업융합대학원 053-850-5033

아이디/세밀번호 로그인

비밀번호

로그인

아이디 찾기 비밀번호 변경

인증서 로그인

아이디

공인인증서 로그인

군복합 기능원가
유급 증명서 발급신청
인허가 직영점영합급
학부도 열람서비스

대구대학교
DAEGU UNIVERSITY

38453) 경상북도 경산시 전항길 대구대로 201 TEL 053-850-5000
Copyright(c) 2018 By Daegu University All right Reserved.

2. Kiểm tra điều kiện tốt nghiệp

- Sau khi bấm đăng nhập thì màn hình như ảnh bên dưới sẽ xuất hiện, tại đây nhấp vào ‘điểm số-tốt nghiệp(학적·졸업)’(1) trên thanh nằm ngang phía trên. Chọn mục ‘hướng dẫn điều kiện tốt nghiệp(졸업사정안내)’(2) tại thanh nằm dọc bên trái.



- Sau khi chọn mục hướng dẫn điều kiện tốt nghiệp(졸업사정안내), màn hình dưới đây sẽ hiện ra. Trong màn hình này, sinh viên có thể thấy được số tín chỉ đã hoàn thành và số tín chỉ còn thiếu của bản thân.

대구대학교

Cách thức đăng ký chuyên ngành phụ·chuyên ngành thứ hai

- hệ thống thông tin sinh viên tổng hợp(종합정보시스템(학생)) ⇒ Điểm số·tốt nghiệp(학적·졸업)⇒quản lí điểm số(학적관리)⇒đăng ký hoặc hủy chuyên ngành phụ·chuyên ngành thứ hai(부·복수신청포기) ⇒Chọn phân loại chuyên ngành(전공구분) và ấn đăng ký(전공 신청)⇒Nhấp vào nút gửi [발송]



대구대학교 종합정보시스템
DAEGU UNIVERSITY TIGERS(학생)

아이디/비밀번호 로그인

아이디/비밀번호

로그인

아이디 찾기 비밀번호 변경

인증서 로그인

아이디

공인인증서 로그인

군복합 기능하기
우편 증명발급신청
인사직접 증명발급
학부도 증명서비스

대구대학교
DAEGU UNIVERSITY

30453) 경상북도 경산시 전량읍 대구대로 101 TEL 053-850-5000
Copyright(c) 2018 By Daegu University All right Reserved.

교육으로 세상에 도전합니다
We challenge the world together

대한민국 교육이념
홍익인간

기독교 정신
사랑

기독교 정신
빛

기독교 정신
자유

비밀번호 변경 관련 사항은 아래로 연락주시기 바랍니다.

- 학생 (053-850-5134~5) - 대학원생/대학원 시간강사
- 교원/교조 (053-850-5115~6) 일반대학원 (053-850-5030)
- 시간강사 (053-850-5122~3) 생활과학대학원 (053-850-5034)
- 직원 (053-850-5312) (특수)교육대학원 (053-850-5044)
시료복합/디자인산업발행(대학원) 531-0391-5033



대구대학교

DAEGU UNIVERSITY

수업업무

학적 졸업

등록 장학

학생업무

취업 산학

국제교류

새시스템

학적 졸업

내보내기

배정 목록

학적관리

학적조회

성적조회

학기별 석사노치

출석확인 조회

전학(Transfer)조회

도표출무스 조회

휴학·복학·지체신상

관계대신교

전공배정신청

전공배정결과

전과신청

전과결과

문입학처별신청

부학위 신청초기

부학위 신청결과

학부유 불합격 신청

재입학신청

정보배정수업생의

관계대신교입학

이전교원생 신청초기

이전교원생 신청결과

출생관리

출생사정관리

출생연기신청

출생확인결과

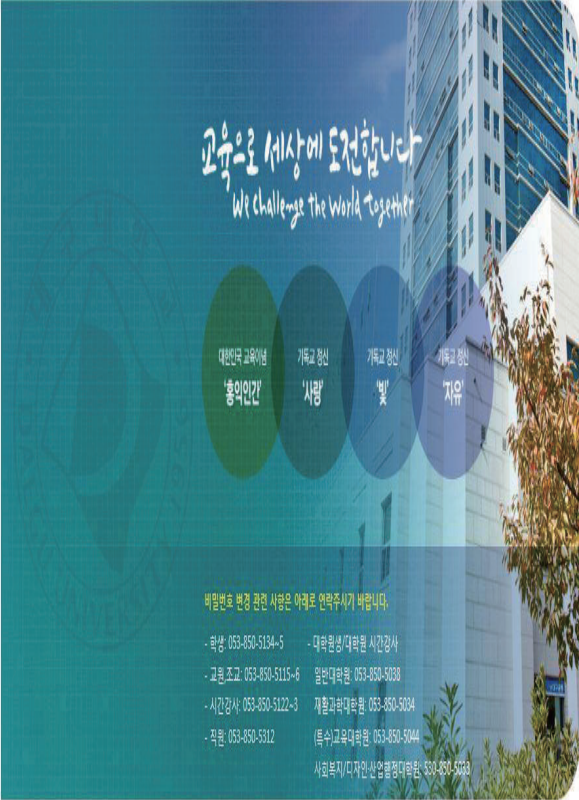
출생결과

출생결과



Cách thức đăng ký chuyển khoa

- hệ thống thông tin sinh viên tổng hợp(종합정보시스템)⇒ Điểm số·tốt nghiệp(학적·졸업) ⇒quản lí điểm số(학적관리) ⇒'đăng ký chuyển khoa'(전과신청) và in đơn đăng ký ra. Ký tên của bản thân, xin chữ ký của giáo sư phụ trách hoặc trưởng khoa và nộp tại văn phòng hành chính khoa trực thuộc



The banner features a large image of a modern university building. Overlaid on the image is a teal circular graphic containing the text '교육으로 세상에 도전합니다' and 'We challenge the World together'. Below this, four overlapping circles contain the words '합의인간', '사랑', '빛', and '자유'. At the bottom, contact information for various departments is listed.

Daegu University Banner Text:

교육으로 세상에 도전합니다
We challenge the World together

대원인간 교육이념
합의인간

기독교 정신
사랑

기독교 정신
빛

기독교 정신
자유

비밀번호 변경, 관전, 사명은 아래로 연락주시기 바랍니다.

- 학생: 053-850-5134~5
- 대학원생/대학원 시간강사
- 교원조교: 053-850-5115~6
- 일반대학원: 053-850-5038
- 시간강사: 053-850-5122~3
- 재학과대학원: 053-850-5034
- 직원: 053-850-5312
- (특수)교육대학원: 053-850-5044
- 사회복지/디자인산업경영대학원: 031-850-5030

Daegu University Logo and Contact Info:

38453) 경상북도 경산시 진량읍 대구대로 201 TEL. 053-850-5000
Copyright© 2018 By Daegu University All right Reserved.

Daegu University Portal Interface:

대구대학교 종합정보시스템
DAEGU UNIVERSITY TIGERS(학정)

아이디/비밀번호 로그인

아이디

비밀번호

로그인

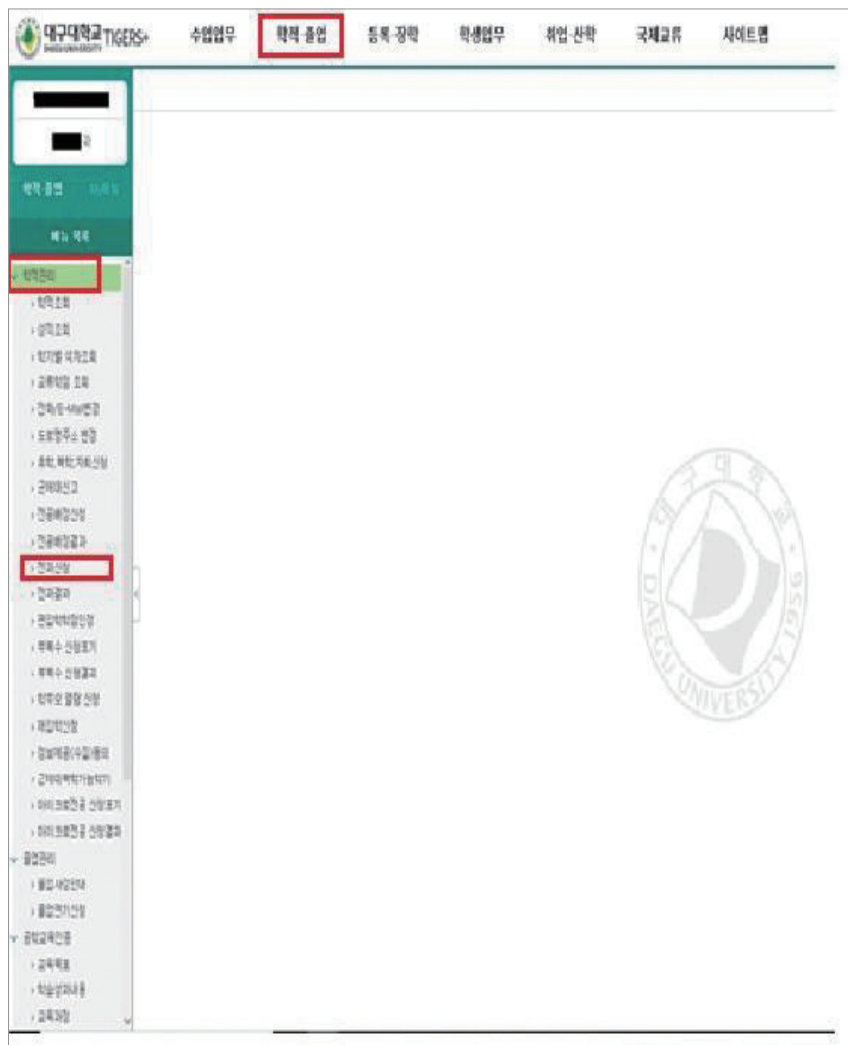
아이디 찾기 비밀번호 변경

인증서 로그인

아이디

공인인증서 로그인

군복학 기능확기
우편 증명발급신청
인허가 직접증명발급
학부도 열람서비스



전 과 원 서

2019

소 속	대학			
학 번		성 명		(한자)
지원사항	대학			
연락처	주 소			
	전화 (휴대)	①	②	

위와 같이 전과원서를 제출하오니 허가하여 주시기 바랍니다.

년 월 일

본 인 : (인)

보 호 자 : (인)

학부장
영우일교수 (인)

대 구 대 학 교 총 장 귀 하

접수번호 :

전 과 접 수 증

소 속	대학			
학 번		성 명		(한자)
지원사항	대학			

접수번호 :

※ 전과 면접시 학생증을 꼭 지참하여 주십시오.

Hướng dẫn các vấn đề khác

Hướng dẫn cấp các giấy tờ chứng nhận(chứng nhận sinh viên)

Hướng dẫn cấp thẻ sinh viên và sử dụng thư viện trường, sử dụng mạng không dây Wi-Fi

Phương thức phát hành giấy chứng nhận

	Phân loại	Vị trí	Thời gian sử dụng	Thanh toán
Máy phát tự động	Khuôn viên Gyeongsan (경산캠퍼스)	Tầng L hội trường Seong-san (성산홀 L층)	08:00-18:00	Điện thoại, thẻ check, thẻ tín dụng
		Tầng 1 thư viện lớn (창파도서관)	08:00-21:00	
	Khuôn viên Daegu (대구캠퍼스)	Tầng 1 tòa chính		
	Phân loại	Cơ quan cấp giấy chứng nhận	Thời gian sử dụng	Ghi chú
Phát hành tại quầy giao dịch	Khuôn viên Gyeongsan (경산캠퍼스)	Văn phòng hỗ trợ học tập (학사지원팀) [Tầng L hội trường Seong-san]	Ngày thường: 09:00-17:00 [ngoại trừ thứ bảy, chủ nhật, các ngày nghỉ lễ và kỷ niệm thành lập trường (5.1)]	Thanh toán bằng tiền mặt
		Văn phòng hỗ trợ cao học (대학원 행정실) [Tầng 11 hội trường Seongsan]		Chỉ cấp cho sinh viên cao học, chỉ thanh toán bằng tiền mặt
	Khuôn viên Daegu (대구캠퍼스)	Trung tâm quản lí khuôn viên Daegu [Tầng 1 tòa chính]		Chỉ thanh toán bằng tiền mặt

Phát hành thông qua trang chủ Chính phủ	1. Truy cập trang web dịch vụ của Chính phủ (http://www.gov.kr) và đăng ký cấp giấy 2. Trực tiếp đến quầy công vụ tại văn phòng tỉnh/thành phố/quận, huyện/ thị trấn (thời gian xử lí: trong vòng 2 giờ) Đến trực tiếp địa điểm trên và nộp hồ sơ xin cấp → Bản fax đứng tên người đứng đầu cơ quan chính quyền địa phương Chi phí cấp giấy - Phí (Lần đầu: 1.300 KRW, bổ sung 300 KRW) - Giờ hoạt động: Các ngày trong tuần 09:00 ~ 17:00 [Không tính thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, kỷ niệm trường (5.1)]
Phát hành bưu điện trong nước	trang chủ trường Đại học Daegu(대구대학교 홈페이지) -> hướng dẫn hệ cử nhân(학사안내)-> đăng ký cấp giấy(발급·신청)-> cấp giấy chứng nhận(증명서발급 참고)
Đăng ký tại bưu điện	
Bưu điện Quốc tế	

Cách thức đăng ký thẻ sinh viên

- Thẻ ngoại kiều, ảnh thẻ (3x4)
- Đăng ký tại ngân hàng Daegu gần nhất hoặc các ngân hàng trong nước (sử dụng kết hợp với sổ ngân hàng và thẻ ngân hàng)
- Hệ thống thông tin tổng hợp: 학생/장학(học sinh/ học bổng) -> 학생증 발급여부(cấp thẻ sinh viên)
- Nhận tại văn phòng Hành chính hoặc văn phòng Khoa trực thuộc

Hướng dẫn sử dụng thư viện (Tòa W2-2)

- Thời gian sử dụng thư viện

Phân loại	Trong kỳ học		Trong kỳ nghỉ		Ngày lễ
	Ngày thường	Cuối tuần	Ngày thường	Cuối tuần	
창파도서관 (tầng 1~4)	09:00~21:00	Đóng cửa	10:00~17:00	Đóng cửa	Đóng cửa
자유열람실 (tầng 5)	06:00~23:00 (Chỉ đóng cửa vào tết Trung thu và tết Âm lịch)				
대구분관 (Thư viện phân khu Daegu)	09:00~21:00	Đóng cửa	10:00~17:00	Đóng cửa	Đóng cửa

- Ra vào cửa bằng cách quét mã QR ID di động (được cấp thông qua ứng dụng Đại học Daegu)

Hướng dẫn sử dụng mạng không dây WI-FI

- Dịch vụ WI-FI chỉ cung cấp cho các thành viên của trường (bao gồm sinh viên đã tốt nghiệp)
- Có thể sử dụng sau khi kết nối với mạng DU-Mobile (đối với người sử dụng máy tính thì dùng mạng DU-PC)
- Có thể sử dụng sau khi nhập ID/PASSWORD tại Hệ thống thông tin tổng hợp (종합정보시스템).

Cẩm nang hướng dẫn dành cho Tân sinh viên · Sinh viên liên thông Đại học



대구대학교
DAEGU UNIVERSITY